TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2024/HNGĐ-ST.
Ngày 23-8-2024.
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Kỳ Trung;

Ông Nguyễn Xuân Lãm.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thướng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024 về "Ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2024; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Thanh H, sinh năm 1992 – Xin vắng mặt;

Địa chỉ: Khu phố 8, phường U H, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Thanh N, sinh năm 1983 - Vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp T T, xã H T, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị Thanh H trình bày:

Chị và anh N chung sống với nhau từ năm 2014, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường U H, thị xã Tân Uyên (nay là thành phố Tân Uyên), tỉnh Bình Dương. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống tại phường U H, thị xã Tân Uyên (nay là thành phố Tân Uyên), tỉnh Bình Dương. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên gây gỗ nhau do tính tình vợ chồng không phù hợp với nhau, không thông cảm, thấu hiểu nhau, chị Hiền không còn lòng tin với anh N, tình cảm vợ chồng đã phai nhạt. Từ tháng 01-2024, anh N về sống cùng mẹ ruột tại ấp T T, xã H T, thị xã Trảng Bàng, tỉnh

Tây Ninh và vợ chồng ly thân đến nay. Từ khi ly thân, chị và anh N không ai đặt vấn đề đoàn tụ.

Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập anh Phạm Thanh N đến Toà lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tham gia phiên toà nhưng anh N không đến nên không thể hiện được lời trình bày và yêu cầu của anh N.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về quyền và nghĩa vụ của bị đơn.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Thanh H yêu cầu được ly hôn anh Phạm Thanh N.

Về con chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị Thanh H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Phạm Thanh N vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường U H, thị xã Tân Uyên (nay là thành phố Tân Uyên), tỉnh Bình Dương nên được thừa nhận là hôn

nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ tháng 01-2024 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H trình bày là do tính tình vợ chồng không phù hợp với nhau, không thông cảm, thấu hiểu nhau nên thường xuyên gây gỗ, chị H không còn lòng tin với anh N, tình cảm vợ chồng đã phai nhạt. Tòa án đã nhiều lần mời anh N đến Tòa trình bày ý kiến, tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh N đều không đến, chứng tỏ anh N không có thiện chí hàn gắn với chị H. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh N trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị H được ly hôn anh N theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị H trình bày vợ chồng không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên, có căn cứ chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án.

[6] Án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thanh H về việc yêu cầu ly hôn anh Phạm Thanh N.

Chị Trần Thị Thanh H được ly hôn anh Phạm Thanh N.

2. Về con chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Trần Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014793 ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Báo cho chị H, anh N biết có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND phường U H;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Linh Ngọc